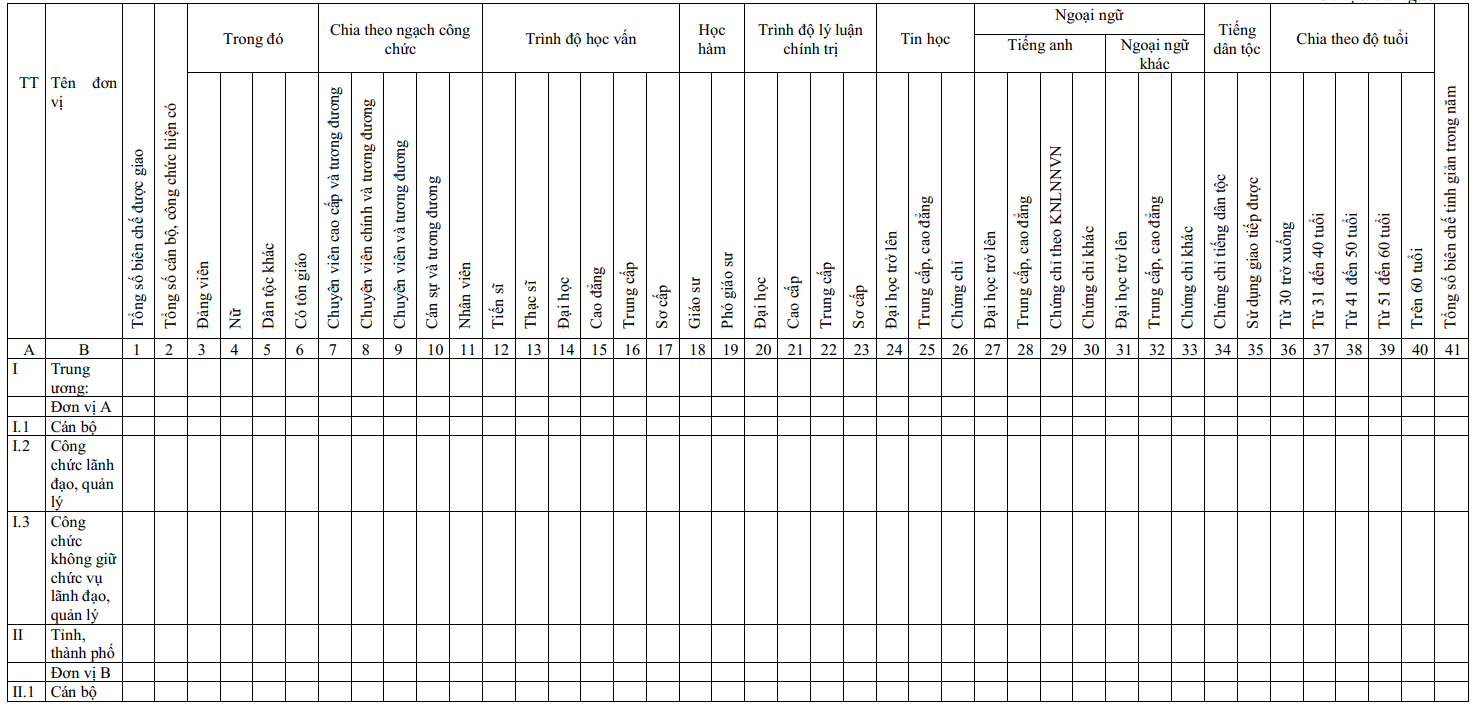
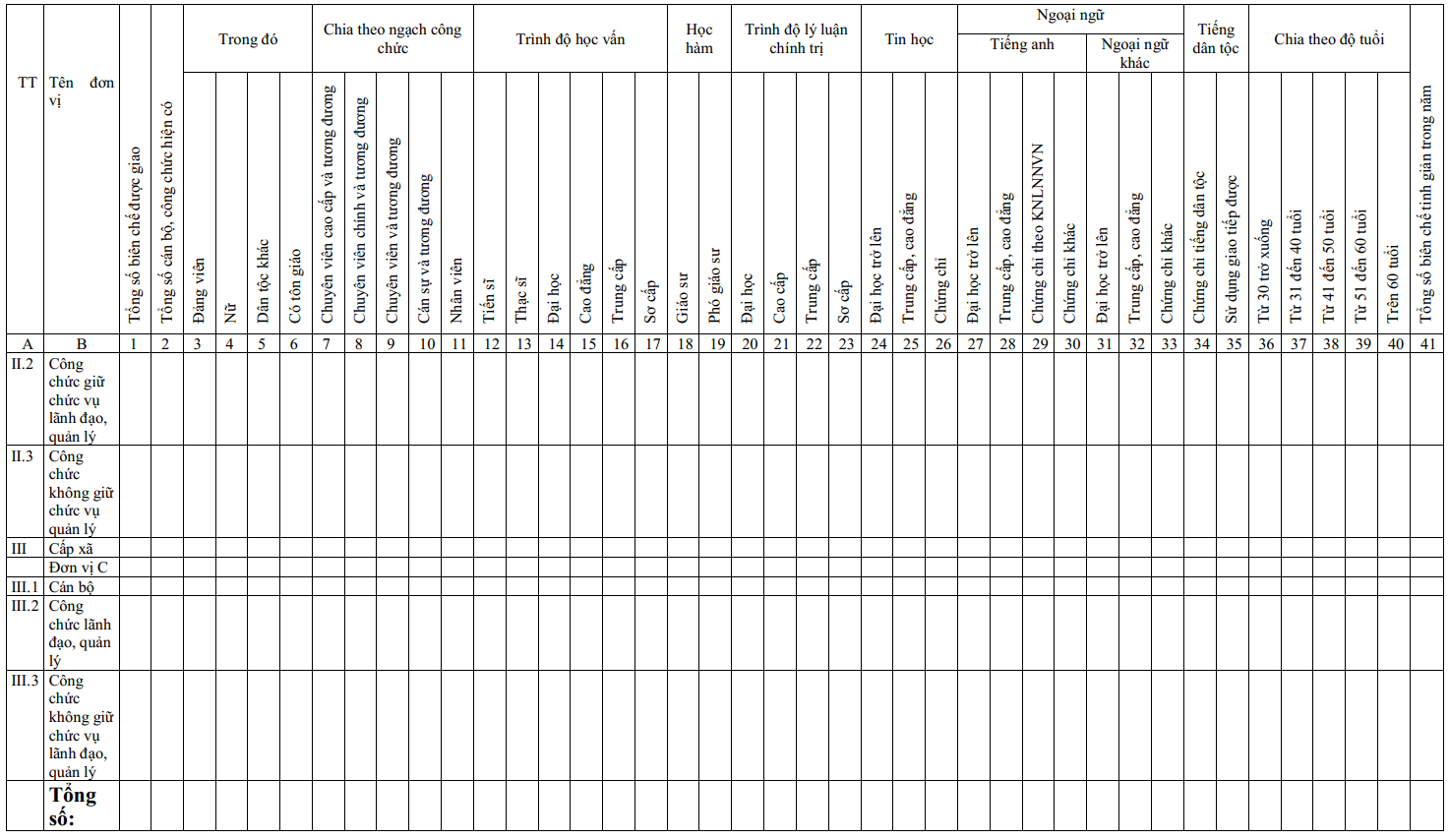
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0203.N.CBCCVC**  *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**  Năm 20... | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Công chức – Viên chức |

*Đơn vị tính: Người*





**Biểu số 0203.N.CBCCVC: Số lượng cán bộ, công chức**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng vào vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an; trong tổ chức cơ yếu mà không phải là người làm công tác cơ yếu, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Số lượng cán bộ, công chức là tổng số người thỏa mãn khái niệm nêu trên đang làm việc tại cấp xã, cấp tỉnh và cấp trung ương tính tại (đến) thời điểm 31/12.

**2. Cách ghi biểu**

- Cột B (tên đơn vị): ghi danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành ở Trung ương và ở tỉnh, thành phố là các sở/ban/ngành, xã/phường/đặc khu; đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được chia theo Công chức lãnh đạo, quản lý và Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Cột 1 (tổng số biên chế được giao): ghi tổng số biên chế được giao của đơn vị báo cáo trực tiếp tính đến thời điểm lập báo;

- Cột 2 (tổng số): Ghi tổng số công chức hiện đang công tác tại đơn vị báo cáo trực tiếp;

- Cột 41: ghi số biên chế thực hiện tinh giản trong năm theo quy định;

- Tổng của các cột từ 7 đến 11 bằng số CBCC hiện có (cột 2);

- Tổng của các cột từ 12 đến 17 bằng số CBCC hiện có (cột 2); ghi trình độ cao nhất;

- Trình độ lý luận chính trị từ cột 20 đến cột 23 không xác định trình độ tương đương, trừ trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền;

- Tổng của các cột từ 36 đến 40 bằng số CBCC hiện có (cột 2).

**3. Nguồn số liệu**

a) Các cơ quan, đơn vị ở Trung ương:

- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước;

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ quan quản lý công chức ở Trung ương).

b) Các cơ quan, đơn vị ở địa phương:

- Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

- Dữ liệu hành chính.